

Bản án số: 62/2019/DS-PT

Ngày: 07-8-2019

V/v tranh chấp về thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chính.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái;

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Thủy -Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2016/DS-ST ngày 31/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 153/2019/QĐ-PT ngày 25/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường Nguyễn Th, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Đỗ Văn Vinh-Công ty luật Đức Việt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 104, đường Cách Mạng Tháng 8, Khu phố 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 04, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

2.2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 01, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Trần Thị Dạ Th, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 02, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

3.2. Ông Trần Uyên Đ, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 03, phường MN, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

3.3. Ông Trần Lan Đ, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 07, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

3.4. Ông Trần Anh Th, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 03, phường DL, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

3.5. Ông Trần Đào Huyền Th, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 01, phường PT, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

3.6. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố ST 3, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên hệ: Khu phố 01, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

4. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Th, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 01, phường PH, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của bà Trần Thị N và Bà Trần Thị Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Đầu năm 2009 bà có cho bà Đào Thị M vay 150.000.000đồng để kinh doanh hải sản, do bà M làm ăn thua lỗ không có khả năng trả nợ nên bà M bán đất cho bà để trừ nợ và để có tiền cất nhà cho các con ở, diện tích đất chuyển nhượng là 286m², với giá 400.000.000đồng, giấy sang nhượng ghi ngày 11/11/2009.

Tại giấy sang nhượng ghi số tiền 300.000.000đồng và có đủ 08 người con của bà M ký tên và có bà Nguyễn Thị Mỹ Th là người làm chứng. Sau khi làm giấy xong thì bà đưa cho bà M 250.000.000đồng cộng với 150.000.000đồng bà M còn nợ là đủ 400.000.000đồng.

Sau khi có giấy tờ mua bán đất, bà chưa làm thủ tục chuyển nhượng đất qua chính quyền là do Ủy ban nhân dân phường giải thích đất này đang nằm trong dự án đóng sửa tàu thuyền và đất chưa thuộc loại đất thổ cư lâu dài nên chưa tách thửa được nên bà chỉ làm thủ tục giấy tay (Hai tờ giấy tay sang nhượng đất cho bà đều do bà M tự viết, sở dĩ bà M viết hai tờ là một tờ chỉ ghi

300.000.000đồng là để giảm thuế và để giấu các con 100.000.000đồng để bà giữ riêng; còn một tờ ghi 400.000.000đồng thì không cho các con bà M biết).

Trong thời gian lâm bệnh nặng bà M có gọi bà H cùng các con bà M đến và yêu cầu các con của bà phải có trách nhiệm làm thủ tục sang tên cho bà, bà M cũng có làm giấy ủy quyền cho 02 người con là Bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị N đứng tên quyền sử dụng đất để chuyển quyền sử dụng đất cho bà. Nhưng sau khi bà M chết, bà đề nghị bà D và bà Na thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng 286m² cho bà thì các con bà M cố tình tránh né, cố tình không thực hiện. Ủy ban nhân dân phường Phú Hải cũng đã tiến hành cho hai bên hòa giải nhưng không thành, do vậy bà yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại.

Bị đơn Trần Thị N trình bày: Bà và bà Diễm được nhận thừa kế đất của cha, mẹ để lại theo văn bản thỏa thuận thừa kế được công chứng ngày 10/12/2010. Nay bà Huỳnh Thị H kiện bà yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, bà không đồng ý, vì bà hoàn toàn không hay biết gì về việc sang nhượng đất giữa mẹ với bà Huỳnh Thị H, tiền mẹ bà bán đất như thế nào bà cũng không biết và cũng không nghe mẹ bà nói. Nếu bà H nói mẹ bà sang nhượng đất cho bà H thì tại sao khi mẹ bà và mấy anh, em của bà ra phòng công chứng để làm thủ tục phân chia tài sản thừa kế thì bà H không ngăn chặn lúc đó, Những giấy tờ mua bán có chữ ký của bà, bà Na xác nhận đó là chữ ký do bà ký, nhưng lúc đó bà M đưa cho bà tờ giấy trắng rồi nói bà ký tên ủy quyền tài sản cho mấy anh chị em của bà, sau đó bà M mới viết nội dung vào đó, nội dung gì thì bà không biết. Ngoài ra bà H cung cấp hai bản khác nhau, bà thấy chữ ký trong 02 tờ giấy sang nhượng này không phải chữ ký của bà M, chữ ký của bà M tại phòng công chứng hoàn toàn khác hai chữ ký trong 02 tờ giấy sang nhượng.

Bị đơn Trần Thị Ngọc Diễm: Nhất trí với trình bày của bà Na và không bổ sung thêm gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Uyên Đ trình bày:

Việc mẹ ông là bà Đào Thị M có mượn 150.000.000đồng của bà Huỳnh Thị H hay không, có chuyển nhượng 286m² đất cho bà Huỳnh Thị H hay không ông hoàn toàn không hay biết gì. Ông chưa gặp bà H bao giờ. Còn chữ ký trong giấy sang nhượng không phải của ông, ông cũng không biết ai đã ký. Nay bà H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do mẹ ông chết để lại ông không đồng ý. Ông không yêu cầu giám định chữ ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Lan Đ trình bày: Chữ ký trong giấy sang nhượng không phải của ông, ông cũng không biết ai đã ký, ông không biết gì về việc làm ăn thỏa thuận giữa mẹ ông và bà H. Nay bà H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do mẹ ông chết để lại ông không đồng ý. Ông không yêu cầu giám định chữ ký.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Dạ Th trình bày:

Bà không biết gì về việc làm ăn thỏa thuận giữa mẹ bà và bà H, bà xác nhận chữ ký trong giấy sang nhượng là của bà nhưng lúc đó mẹ bà kêu bà ký vào thì bà ký, khi ký thì mặt trước chưa có nội dung, bà chỉ ký mặt sau nên nội dung mẹ bà viết sau đó thế nào bà không biết. Nay bà H yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do mẹ bà chết để lại bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh Th trình bày:

Ông xác nhận chữ ký trong giấy sang nhượng đất là của ông, nhưng lúc mẹ ông đưa ông ký phía sau, còn phía trước chưa viết nội dung gì, nay bà H yêu cầu anh chị em ông thực hiện nghĩa vụ do mẹ ông chết để lại ông không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đào Huyền Th trình bày:

Chữ ký trong giấy sang nhượng hơi giống chữ ký của ông, nên ông không khẳng định đó là chữ ký của ông. Nay bà H yêu cầu anh chị em ông thực hiện nghĩa vụ do mẹ ông chết để lại ông không đồng ý.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ Th trình bày: Bà với bà M cùng các con của bà M là bà con với nhau, bà không có bà con hoặc quan hệ gì với bà H, bà cam đoan lời trình bày của bà là đúng sự thật, khi bà M còn sống bà M có vay của bà H 01 khoản tiền là 150.000.000đồng, bà M làm ăn gì thì bà không biết, nhà bà cách nhà bà M một nhà, hôm đó (bà không nhớ ngày tháng) bà M có lên nhà kêu bà đến nhà bà M để làm chứng dứt việc chồng tiền, khi bà đến thì bà M thỏa thuận với bà H việc trả nợ tiền cho bà H bằng việc bán lô đất cho bà H giá 400.000.000đồng, bà H chồng thêm cho bà M 250.000.000đồng nữa, bà tận mắt chứng kiến việc giao, nhận, kiểm đếm tiền này. Sau khi 02 bên thỏa thuận xong thì bà M tự tay viết 02 tờ giấy sang nhượng đất, bà M viết 01 tờ để giá 300.000.000đồng để bà nói với con cái của bà là trả nợ 150.000.000đồng, còn 150.000.000đồng để xây nhà. Tờ thứ 02 mới thực sự giao dịch đúng vì bà M nợ bà H 150.000.000đồng, bà H giao cho bà M 250.000.000đồng, bà ký làm chứng cho cả 02 tờ Giấy sang nhượng đất, nhưng tờ 400.000.000đồng là giao dịch đúng với thực tế, còn tờ 300.000.000đồng là để bà M nói cho các con bà và giảm thuế và bà giấu các con bà 100.000.000đồng để tiêu xài riêng. Sau khi ký bà M có đưa cho 03 người con của bà ký trước mặt bà, do bà M đông con nên bà không nhớ chính xác là người nào đã ký.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 31/10/2016, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 47/2016/DS-ST, quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 634, 635, 637, 638 Bộ luật Dân sự năm 2005;

– Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Buộc các đồng thừa kế di sản của bà Đào Thị M là bà D, ông Đ, ông Đ1, ông Anh Th, bà Th, ông Huyền Th, bà N, ông Đ2 phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 400.000.000đồng cho bà Huỳnh Thị H.

Về án phí: Bà D, ông Đ, ông Đ1, ông Anh Th, bà Th, ông Huyền Th, bà N, ông Đ2 nộp 20.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 16/5/2012 bà Huỳnh Thị H nộp 10.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001337 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, số tiền trên được hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, quyền thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/11/2016, bà Trần Thị N và Bà Trần Thị Ngọc D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị N và Bà Trần Thị Ngọc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì mẹ các bà chết không để lại tài sản gì, trước khi chết mẹ các bà có nhà ở, đất ở có nhà diện tích 1.482m² đã phân chia cho các bà, còn diện tích đất 271m² đã thế chấp cho người khác là bà Vi Thị Cường (cán bộ ngân hàng). Mẹ các bà có nợ tiền của bà H hay không các bà không biết.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bị đơn kháng cáo cho rằng mẹ bị đơn chết không để lại tài sản gì nhưng theo chứng cứ thu thập được bà M có 3 tài sản: Diện tích 1.482m² chuyển cho bà D, bà N; diện tích đất 420m² đứng tên ông Đ, bà M; diện tích đất 271m² đứng tên bà M. Theo công văn của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết và công Văn phòng đăng ký đất đai thì diện tích 1.482m² cấp cho bà Diễm, bà Na không đúng quy định của Luật Đất đai, diện tích đất còn lại không ai tranh chấp. Như vậy, tài sản của bà M chết để lại là di sản như bản án sơ thẩm đã tuyên nên những người thừa kế tài sản của bà M chết để lại phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu nội dung đơn kháng cáo của các bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Anh Th và ông Trần Văn Đ nhưng các đương sự có mặt không đề nghị hoãn phiên tòa nên Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H khởi kiện yêu cầu Bà Trần Thị Ngọc D, bà Trần Thị N thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại, yêu cầu buộc tất cả các con của bà M gồm: Trần Thị Ngọc Diễm, Trần Uyên Đ, Trần Lan Đ, Trần Anh Th, Trần Thị Dạ Th, Trần Đào Huyền Th, Trần Thị N, Trần Văn Đ thực hiện nghĩa vụ của bà M chết để lại là trả lại khoản tiền sang nhượng đất cho bà là 400.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại và thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết quy định tại Khoản 6 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N và Bà Trần Thị Ngọc D, thấy rằng: Về di sản của bà Đào Thị M chết để lại gồm: Toàn bộ diện tích đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 329835 ngày 20/01/2011 cấp cho Bà Trần Thị Ngọc D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số RD 329836 ngày 20/01/2011 cấp cho bà Trần Thị N đồng sử dụng diện tích 1.482,9m² trong đó đất ở đô thị 300 m² tọa lạc tại Khu phố 1, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết. Ngày 02/10/2015 theo đề nghị của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cung cấp thông tin "... việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 329835 ngày 20/01/2011 cho Bà Trần Thị Ngọc D và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 329836 ngày 20/01/2011 cho bà Trần Thị N là chưa đúng quy định pháp luật.

Thửa đất số 49, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 516175 ngày 17/10/2005, tờ bản đồ số 05, diện tích 420m² đứng tên ông Trần Công Diệc, bà Đào Thị M tọa lạc tại Khu phố 1, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết. Tài sản này là tài sản chung của ông Trần Công Diệc và Đào Thị M, ông Trần Công Diệc chết không để lại di chúc, cho nên chỉ thanh toán khoản nợ trong phần di sản của bà M để lại cho các con là trị giá ½ thửa đất số 49 này.

Thửa đất số 96, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 510091 ngày 21/9/2007 đứng tên bà Đào Thị M.

Cả 02 thửa đất trên cho đến thời điểm giải quyết vụ án không có ai tranh chấp nên thuộc di sản của bà M để lại cho các con đồng thừa kế di sản là có căn cứ pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được kiểm tra tại phiên tòa thì: Năm 2009 giữa bà Đào Thị M và bà Huỳnh Thị H có lập 02 tờ Giấy sang nhượng đất, 01 tờ ghi giá chuyển nhượng 300.000.000đồng, có các người con của bà M ký tên và bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh là người làm chứng, 01 tờ Giấy sang nhượng đất giá 400.000.000đồng, chỉ có bà Đào Thị M ký bên bán, bà Huỳnh Thị H ký bên mua và bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh ký người làm chứng, cả hai đều viết giấy tay không có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Để xem xét 02 giao dịch nào là giao dịch thật sự phải căn cứ vào sự xác thực của giao dịch vì theo bà H khai giữa bà và bà M quen biết đã lâu, bà M có vay mượn bà 01 khoản tiền để làm ăn tổng cộng là 150.000.000đồng, không có khả năng trả nợ nên bà M sang nhượng cho bà H 1 lô đất có diện tích 286m² với giá 400.000.000đồng, tuy nhiên tờ “Giấy sang nhượng đất” này chỉ có bà M, bà H ký và bà Thanh làm nhân chứng, ngày 03/01/2014 Tòa án tiến hành đối chất giữa nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng, thì các con của bà M không thừa nhận việc chuyển nhượng đất của bà M và bà H, tuy nhiên đối với tờ “Giấy sang nhượng đất” 300.000.000đồng, thì 5/8 người con của bà M thừa nhận là chữ ký của mình có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh, chứng tỏ việc sang nhượng đất và nhận tiền giữa bà Huỳnh Thị H và bà Đào Thị M là có thật, tuy nhiên thửa đất mà các bên giao dịch vào ngày 10/12/2010, bà Đào Thị M cùng 08 người con của bà và ông Trần Công Đ làm Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Phòng Công chứng số 1, Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận chứng nhận, toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 664821 ngày 10/11/2005 do Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cấp cho Bà Trần Thị Ngọc D và bà Trần Thị N đồng sử dụng. Như vậy, trong diện tích đất chuyển giao thừa kế cho bà D và bà N có diện tích đất bà Đào Thị M sang nhượng cho bà H, nhưng hiện nay thửa đất trên Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Diễm và bà Na là chưa đúng theo quy định của pháp luật, vì thửa đất trên có nguồn gốc từ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 664821 đúng tên ông Trần Công Đ, bà Đào Thị M, thửa đất này Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đang giải quyết khiếu nại là đất của ông Đào Công Nh và bà Nguyễn Thị Th. Theo quy định của pháp luật đất đai thì diện tích đất này chưa đủ cơ sở để xác định là di sản của bà M để lại cho các con, nên không đưa vào để tính nghĩa vụ phải trả nợ do bà M để lại.

Căn cứ vào Điều 637 Bộ luật Dân sự 2005 quy định “Những người hưởng di sản thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại...”, “ Trong trường hợp di sản chưa chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế”.

Như vậy, di sản của bà Đào Thị M để lại cho các con đồng thừa kế gồm:

- ½ thửa đất số 49, diện tích 420m², tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 516175 ngày 17/10/2005, trị giá: 420m² x 1.098.000đồng = 461.160.000đồng : 2 = 230.580.000đồng;

- Thửa số 96, diện tích 271m², tờ bản đồ số 5, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 510091 ngày 21/9/2007, trị giá: 271m² x 1.098.000đồng = 297.558.000đồng;

Tổng cộng trị giá phần di sản thừa kế của bà M để lại cho các con là: 528.138.000 đồng.

Xác định người thừa kế: Ông Trần Công Đ và bà Đào Thị M chung sống sinh được 08 người con: Trần Thị Ngọc D, Trần Uyên Đ, Trần Lan Đ, Trần Anh Th, Trần Thị Dạ Th, Trần Đào Huyền Th, Trần Thị N, Trần Văn Đ.

Những người phải có nghĩa vụ trả nợ do bà M để lại: Bà D, ông Đ, ông Đ1, ông Anh Th, bà Th, ông Huyền Th, bà N, ông Đ2 cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà H 400.000.000đồng.

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã tuyên là có căn cứ và đúng pháp luật. Các bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới, không chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của họ là có căn cứ pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến của người kháng cáo về diện tích đất 271m² đã thế chấp cho người khác là bà Vi Thị Cường (cán bộ ngân hàng) nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, giấy tờ, thông tin có liên quan, địa chỉ của người có liên quan và vấn đề này bị đơn không đưa ra tại Tòa án cấp sơ thẩm nên không có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Ý kiến tranh luận của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Bị đơn kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Khoản 3 Điều 296, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị N, Bà Trần Thị Ngọc D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2016/DS-ST ngày 31/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

– Điều 634, 635, 637, 638 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

– Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Buộc các đồng thừa kế di sản của bà Đào Thị M là Bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Uyên Đ, ông Trần Lan Đ, ông Trần Anh Th, bà Trần Thị Dạ Th, ông Trần Đào Huyền Th, bà Trần Thị N, ông Trần Văn Đ phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cho bà Huỳnh Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí:

* Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc D, ông Trần Uyên Đ, ông Trần Lan Đ, ông Trần Anh Th, bà Trần Thị Dạ Th, ông Trần Đào Huyền Th, bà Trần Thị N, ông Trần Văn Đ phải nộp tổng cộng 20.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 16/5/2012 bà Huỳnh Thị H nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001337 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, số tiền trên được hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị H.

*** Án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Trần Thị Ngọc D, bà Trần Thị N mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012001 và 0012002 cùng ngày 16/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà Trần Thị Ngọc D, bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/8/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP.Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín